THIẾU MÁU

**Louis Nguyễn**

|  |
| --- |
| *“Break through the silence, I can feel the energy rising.*  *Turn up the sirens, we were never meant to be quiet.”*  Martin Garrix |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. **Tiêu chuẩn chẩn đoán thiếu máu**

- Đối với nam giới: Hemoglobin < 14 g/dL (140 g/L), hematocrit < 42% (< 0,42), hoặc RBC < 4,5 triệu/mcL (< 4,5 × 10 12/L)

- Đối với phụ nữ: Hemoglobin < 12 g/dL (120 g/l), Hematocrit < 37% (< 0,37), hoặc RBC < 4 triệu/mcL (< 4 × 10 12/L)

1. **Phân loại nguyên nhân thiếu máu**

|  |  |
| --- | --- |
| Nguyên nhân | Cụ thể |
| Mất máu | |
| Cấp | Sinh con  Xuất huyết đường tiêu hoá (GI)  Tổn thương  Phẫu thuật |
| Mạn tính | Khối u bàng quang  Ung thư hoặc polype đường tiêu hóa  Chảy máu kinh nguyệt nặng các khối u thận  Loét dạ dày hoặc ruột non |
| Giảm sinh hồng cầu | |
| Hồng cầu nhỏ | Thiếu sắt  Thiếu vận chuyển sắt (thiếu máu thiếu sắt dai dẳng [IRIDA])  Khiếm khuyết sử dụng sắt (thiếu máu nguyên bào sắt di truyền) |
| Hồng cầu bình thường bình sắc | Thiếu máu do viêm mạn tính, nhiễm trùng, hoặc ung thư  Bệnh thận  Suy tuyến nội tiết (tuyến giáp, tuyến yên)  Suy dinh dưỡng  Rối loạn sinh tủy  Hoại tủy  Thiếu máu do bất sản hồng cầu đơn thuần |
| Hồng cầu to | Tình trạng rối loạn do sử dụng rượu  Thiếu đồng  Thiếu Folate  Bệnh gan  Giảm hấp thu (ví dụ, viêm ruột)  Rối loạn sinh tủy  Thiếu vitamin B12 |
| Tan máu nguyên nhân ngoài hồng cầu | |
| Hoạt động quá mức của hệ liên võng nội mô do lách to | Cường lách |
| Bất thường hệ miễn dịch | Bệnh ngưng kết lạnh  Do thuốc  Đái huyết sắc tố kịch phát do lạnh  Ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) và hội chứng tan máu ure máu cao (HUS)  Thiếu máu tan máu kháng thể ấm |
| Nhiễm trùng | Nhiễm Clostridial  Vi-rút Ebstein Barr (EBV)  Bệnh sốt rét |
| Chấn thương cơ học | Bệnh van tim  Tan máu do chạy |
| Thuốc/Chất độc | Phenazopyridine  Ribavirin  Nhện cắn |
| Tan máu do khiếm khuyết tại hồng cầu | |
| Thay đổi màng mắc phải | Hồng cầu hình răng cưa mắc phải  Giảm phosphate máu |
| Thay đổi màng bẩm sinh | Tăng bạch cầu di truyền  Bệnh hồng cầu hình cầu di truyền  Hồng cầu hình miệng di truyền  Bệnh khô da di truyền chứng tăng tế bào acantho liên quan đến thần kinh |
| Rối loạn chuyển hóa (thiếu enzyme di truyền) | Khiếm khuyết con đường Embden-Meyerhof  Thiếu hụt glucose-6-phosphate Dehydrogenase (G6PD) |
| Bệnjh huyết sắc tố | Bệnh Hemoglobin C  Bệnh Hemoglobin E  Bệnh Hemoglobin S-C  Bệnh Hemoglobin S-beta-thalassemia  Bệnh hồng cầu hình liềm (Hb S)  Thalassemias (beta, beta-delta, và alpha) |

**Tài liệu tham khảo**

1. [Nguyên nhân của thiếu máu - Huyết học và ung thư học - Cẩm nang MSD - Phiên bản dành cho chuyên gia (msdmanuals.com)](https://www.msdmanuals.com/vi-vn/chuy%C3%AAn-gia/huy%E1%BA%BFt-h%E1%BB%8Dc-v%C3%A0-ung-th%C6%B0-h%E1%BB%8Dc/ti%E1%BA%BFp-c%E1%BA%ADn-b%E1%BB%87nh-nh%C3%A2n-thi%E1%BA%BFu-m%C3%A1u/nguy%C3%AAn-nh%C3%A2n-c%E1%BB%A7a-thi%E1%BA%BFu-m%C3%A1u)

2. [Đánh giá thiếu máu - Huyết học và ung thư học - Cẩm nang MSD - Phiên bản dành cho chuyên gia (msdmanuals.com)](https://www.msdmanuals.com/vi-vn/chuy%C3%AAn-gia/huy%E1%BA%BFt-h%E1%BB%8Dc-v%C3%A0-ung-th%C6%B0-h%E1%BB%8Dc/ti%E1%BA%BFp-c%E1%BA%ADn-b%E1%BB%87nh-nh%C3%A2n-thi%E1%BA%BFu-m%C3%A1u/%C4%91%C3%A1nh-gi%C3%A1-thi%E1%BA%BFu-m%C3%A1u)